TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97** /2022/HNGĐ-ST
Ngày 04/7/2022**.**
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 04/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

-**Nguyên đơn:** Anh Dương Văn Tr1 , sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐQ , xã LS , huyện LN , tỉnh Bắc Giang

Hiện nay đang đi lao động tại Singapore, địa chỉ: Jurong East, đường số 21, chung cư 287D, số nhà 04-318. Singapore.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tà án: Ông Dương Văn Ph1 , sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn ĐQ , xã LS , huyện LN , tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị Thanh H1 , sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐQ , xã LS , huyện LN , tỉnh Bắc Giang

Hiện nay đang đi lao động tại nước ngoài, địa chỉ: Số 113-113/1 đường Tây Viên, khu Trung Lịch, thành phố Đào Viên, Đài Loan.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Dương Văn Ph1 , sinh năm 1964 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐQ , xã LS , huyện LN , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Dương Văn Tr1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị Thanh H1 có tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/12/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LS , huyện LN , tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H1 về nhà anh làm dâu ngay vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Do điều kiện kinh tế nên anh và chị H1 quyết định đi xuất khẩu lao động. anh đã đi lao động tại Singapore còn chị H1 đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, hỏi thăm sức khỏe của nhau. Do điều kiện sinh sống của hai vợ chồng ở xa nên anh và chị H1 hỏi thăm nhau thưa dần, mỗi lần điện thoại cho nhau lại xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ không tiếp tục nói chuyện được nữa. Đến nay vợ chồng rất ít liên lạc với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1 .

- Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Dương Anh Kh1 , sinh ngày 31/12/2015, anh đề nghị được nuôi con chung và anh đồng ý tạm giao cháu Kh1 cho ông, bà nội chăm sóc.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H1 hiện nay đang lao động tại Đài Loan có gửi quan điểm trình bày:

Chị và anh Tr1 có tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/12/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LS , huyện LN , tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế nên anh Tr1 và chị quyết định đi xuất khẩu lao động. Anh Tr1 đi lao động tại Singapore còn chị đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, hỏi thăm sức khỏe của nhau. Do điều kiện sinh sống của hai vợ chồng ở xa nên anh và chị H1 hỏi thăm nhau thưa dần, mỗi lần điện thoại cho nhau lại xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ không tiếp tục nói chuyện được nữa. Nay anh Tr1 xin ly hôn chị đồng ý

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Anh Kh1 sinh ngày 31/12/2015. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*******Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Dương Văn Ph1 trình bày:*

Vợ chồng anh Tr1 có 01con chung là cháu Dương Anh Kh1 sinh đang ở với ông, vì cả hai vợ chồng con ông đều đi lao động tại nước ngoài. Ông nhất trí đề nghi của anh Tr1 đề nghị Tòa án giao cho ông được nuôi cháu là Dương Anh Kh1 để ông tiện cho việc ăn học cháu.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Tr1 xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị H1 , ông Phòng có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Dương Văn Tr1 được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H1 .Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Anh Kh1 sinh ngày 31/12/2015 cho anh Tr1 nuôn dưỡng nhưng tạm giao cho Ông Dương Văn Ph1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh Tr1 chưa về nước. Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ: anh Tr1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh Dương Văn Tr1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Dương Văn Tr1 là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị Thanh H1 . Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H1 là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn ĐQ , xã LS , huyện LN , tỉnh Bắc Giang. Hiện nay đang ở địa chỉ: Số 113-113/1 đường Tây Viên, khu Trung Lịch, thành phố Đào Viên, Đài Loan.Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu đứng tên anh Tr1 :

Quá trình giải quyết vụ án, anh Tr1 có đơn khởi kiện gửi từ nước ngoài về cho người đại diện theo ủy quyền để cung cấp cho Tòa án giải quyết vụ việc. Do văn bản của anh Tr1 gửi về không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài nên người đại diện theo ủy quyền của anh Tr1 có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành thu thập mẫu vân tay của anh Tr1

khi làm Chứng minh nhân dân tại Công an tỉnh Bắc Giang để giám định dấu vân của người viết đơn khởi kiện và dấu vân tay của anh Tr1 lưu ở Công an tỉnh có đúng là do một người lăn tay hay không.

Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số 01/2022/QĐ-TCGĐ ngày 21/3/2022.Tại kết luận giám định số 623/KL/KTHS ngày 20/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang thể hiện các dấu vân tay trong các tài liệu đứng tên anh Tr1 trưng cầu giám định và dấu vân tay trong các tài liệu mẫu để so sánh là của anh Tr1 .

Từ những nội dung trên, HĐXX xét thấy mặc dù văn bản, tài liệu của anh Tr1 gửi từ nước ngoài về không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng có đủ căn cứ để khẳng định các văn bản, tài liệu thể hiện quan điểm giải quyết vụ án là đúng của anh Tr1 . HĐXX chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Tr1 , chị H1 ông Phòng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tr1 , chị H1 ông Phòng.

[4]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Dương Văn Tr1 và chị Nguyễn Thị Thanh H1 kết hôn trên cơ sở có tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã LS , huyện LN , tỉnh Bắc Giang. Xác định hôn nhân giữa anh Dương và chị H1 là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh Tr1 và chị H1 mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Anh Tr1 xin ly hôn, chị H1 đồng ý. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh Tr1 và chị H1 đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tr1 và chị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Dương Văn Tr1 được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H1 .

[5]. Về con chung:

Anh Dương Văn Tr1 và chị Nguyễn Thị Thanh H1 có 01 con chung là cháu Dương Anh Kh1 sinh ngày 31/12/2015. Anh Tr1 có nguyện vọng được nuôi con chung. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh Tr1 không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Con chung đang ở ổn định với gia đình anh Tr1 , anh Tr1 và chị H1 cũng thống nhất để anh Tr1 nuôi con chung không có tranh chấp gì. Bên cạnh đó, ông Phòng là ông nội của các cháu cũng đồng ý nhận trách nhiệm để nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục con chung của anh Tr1 , chị H1 trong thời gian anh Tr1 , chị H1 không có ở nhà. Việc ông Phòng nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu nội cũng phù hợp theo quy định của Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh Tr1 nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho Ông Dương Văn Ph1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh1 cho đến khi anh Tr1 về nước. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Tr1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh Tr1 không đề nghị nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Dương Văn Tr1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 3.240.000 đồng chi phí giám định

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn Tr1 được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H1 .

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Anh Kh1 sinh ngày 31/12/2015 cho anh Dương Văn Tr1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho Ông Dương Văn Ph1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh1 cho đến khi anh Tr1 về nước. Chị Nguyễn Thị Thanh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Tr1 không yêu cầu

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Dương Văn Tr1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000 182 ngày 06/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang và 3.240.000 đồng chi phí giám định. (Xác nhận anh Tr1 đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Dương Văn Tr1 , chị Nguyễn Thị Thanh H1 hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông Dương Văn Ph1 cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã LS , huyện LN
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hường